

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CQT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311902 - K t ấ n t ấ ch ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572040106	35CQT2	Nguy n Th o My	30/04/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	7.3	5.1	6.9	
2	3572040107	35CQT2	H Th Vĩ t Trinh	03/11/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.0	2.8	4.9	
3	3572040115	35CQT2	Nguy n Th M Hà	27/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.1	3.6	5.7	
4	3572040132	35CQT2	V ấ Th T ấ	20/11/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	
5	3572040171	35CQT2	Nguy n H u ấ c Huy	09/11/1991				7.0	6.0		6.5	2.0	3.0	2.1	4.1	N HP
6	3572040179	35CQT2	ấ ng Th Nh Huy n	10/06/1993				8.5	7.0		7.8	2.3	4.8	3.4	5.7	
7	3572040279	35CQT2	Huu nh V ấ Ho ấ	10/04/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.0	3.5	5.3	
8	3572040286	35CQT2	L ấ m ấ c H ng	19/01/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	0.1	0.1	2.0	
9	3572040309	35CQT2	Nguy n Kim Tr ng	07/09/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	1.5	1.1	3.0	
10	3572040314	35CQT2	Nguy n Qu c Anh	09/06/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
11	3572040318	35CQT2	Nguy n Th C m	03/11/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	
12	3572040322	35CQT2	Mai Ho ấ ng Minh	17/06/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.5	3.2	5.1	N HP
13	3572040333	35CQT2	Tr n Th M Loan	06/09/1993				8.5	6.0		7.3	2.2	5.8	4.1	6.2	
14	3572040352	35CQT2	Mai Th Quu nh An	06/05/1993				7.0	5.0		6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	
15	3572040354	35CQT2	L ² Th Xuy ấ n	03/06/1992				6.0	7.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
16	3572040379	35CQT2	Nguy n Th Th y Thuy n	17/02/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	1.5	1.1	2.9	
17	3572040399	35CQT2	Tr n Th Thanh Hi n	02/05/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	3.4	2.4	4.5	
18	3572040408	35CQT2	Tr n Duy C ng	20/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
19	3572040412	35CQT2	Tr nh Th Thu S ng	01/04/1993				8.5	6.0		7.3	2.2	5.3	3.7	5.9	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CQT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167311902 - K t ấ n t ấ ch ấ nh H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T c N		NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572040414	35CQT2	Lê Thành	Huy	06/09/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	2.5	1.8	3.7	
21	3572040436	35CQT2	Nguy n Th M nh	Ng c	01/11/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	4.4	3.1	5.0	
22	3572040454	35CQT2	Nguy n Th M	Xuyên	08/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	5.0	3.5	5.6	
23	3572040459	35CQT2	Nguy n Minh	Tân	16/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
24	3572040464	35CQT2	Nguy n Ti n	S n	12/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	2.0	1.4	3.4	
25	3572040475	35CQT2	Nguy n Ho ấ ng	Lâm	15/06/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3572040482	35CQT2	Di p Qu	Minh	08/10/1993				8.0	6.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
27	3572040487	35CQT2	Ph m Hu nh	Nh	/ /1992				8.0	6.0		7.0	2.1	3.0	2.1	4.2	N HP
28	3572040527	35CQT2	Ph m Th	Huy n	26/09/1993				8.5	7.0		7.8	2.3	5.5	3.9	6.2	
29	3572040546	35CQT2	L ² Th Thanh	Nhàn	01/08/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
30	3572040565	35CQT2	Phan Th ấ i Nguy n M ng	Vân	09/08/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
31	3572040567	35CQT2	Tr ng Th	Vân	10/09/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.8	4.8	6.9	
32	3572040590	35CQT2	Nguy n V ấ nh	Châu	24/08/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
33	3572040598	35CQT2	ấ nh Quang	Huyện	02/12/1992				7.0	6.0		6.5	2.0	2.8	2.0	3.9	
34	3572040636	35CQT2	ấ ng Minh	Hoàn	15/12/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
35	3572040864	35CQT2	Hu nh Thi ² n	Ch ng	06/11/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
36	3572041082	35CQT2	Tr n ấ nh	Khang	06/07/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
37	3572041138	35CQT2	V ½ Th Thu	Tiên	04/02/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.0	2.8	4.8	
38	3572041209	35CQT2	Nguy n Xu ấ n	Ph ng	19/05/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP

B NG ấI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh 1 a h c : L p h c : 35CQT2 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167311902 - K to ấ n t ấ ch ấ nh H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ấI M THì NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572041272	35CQT2	Nguy n H u	Tr ng	31/01/1993				6.0	7.0		6.5	2.0	3.5	2.5	4.4	
40	3572041295	35CQT2	Nguy n Nh	Nguy n	08/09/1993				5.0	6.0		5.5	1.7	2.5	1.8	3.4	
41	3572041334	35CQT2	Tr n Ch ấ	Toàn	11/10/1993				7.0	6.0		6.5	2.0	4.4	3.1	5.0	
42	3572041358	35CQT2	L 2 Vĩ t	Trung	18/02/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	5.3	3.7	5.5	
43	3572041433	35CQT2	H Th	Di m	/ /1993				7.0	7.0		7.0	2.1	4.5	3.2	5.3	
44	3572041447	35CQT2	Nguy n ấ c	Tr c	20/10/1993				6.0	6.0		6.0	1.8	1.3	0.9	2.7	
45	3572041494	35CQT2	Hu nh Th	M n	26/08/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	
46	3572041524	35CQT2	Nguy n Th	Vân	06/12/1993				7.0	7.0		7.0	2.1	6.6	4.6	6.7	
47	3572041543	35CQT2	Ph m V ấ	Hu n	10/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
48	3572041743	35CQT2	H Th L u	Ni m	20/02/1993				8.0	7.0		7.5	2.3	8.0	5.6	7.9	

T ng s : 48 h c sinh sinh v 2 n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi ồ V 2 n B M ấ n Gi ồ V Khoa